

# MỤC LỤC

## LỜI MỞ ĐẦU

### PHẦN I :

I.I Đôi nét về vùng đất Bửu Long

I.II Sơ lược về Miếu Tổ sư và Lễ vía Tổ sư

### PHẦN II :

Cảm nghĩ về giá trị văn hóa, lịch sử của di tích Miếu Tổ sư

### PHẦN III:

Kiến nghị ,góp ý về việc giữ gìn và phát huy giá trị lịch sử của di tích Miếu Tổ sư

### PHẦN IV :

Hình ảnh 1 số di tích khác mà tác giả đã tham quan thực tế

# LỜI MỞ ĐẦU

Di sản văn hoá của một dân tộc là tất cả những vốn liếng của chòm của nôi có liên quan đến đời sống tinh thần mà dân tộc đó đã tích lũy được trong trường kỳ lịch sử. Một dân tộc, có sự tồn tại qua thời gian, thường đều có làm nên một cái gì đó, bao gồm từ các công trình kiến trúc, các loại tác phẩm văn chương, hội hoạ, điêu khắc, âm nhạc... cho tới phong tục tập quán trong ăn ở sinh hoạt và nhiều loại di sản khác. Người ta không chỉ nhìn thấy, sờ mó thấy mà còn cảm thấy di sản. Nó tạo nên một thứ khí hậu trực tiếp liên quan đến toàn bộ sinh hoạt vật chất lẫn tinh thần của cộng đồng. Giá trị di sản văn hóa, đặc biệt là các di tích lịch sử phản ánh thành quả của các thế hệ cha ông trong quá trình lao động xây dựng, chiến đấu bảo vệ quê hương trên nhiều lĩnh vực và sự đa dạng trong sắc thái văn hóa của cộng đồng dân tộc Việt Nam

Vùng đất Đồng Nai, trải qua các giai đoạn lịch sử, các thế hệ cư dân đã để lại nhiều thành tựu quan trọng trong các lĩnh vực của cuộc sống. Những di tích của tỉnh Đồng Nai được nhà nước xếp hạng là một trong những thành quả, kết tinh truyền thống văn hóa của vùng đất này trong quá trình mở đất phương Nam của đất nước. Vùng đất Đồng Nai hiện nay, rất nhiều di tích đã được xếp hạng cấp tỉnh hoặc cấp nhà nước. Hưởng ứng cuộc thi tìm hiểu về giá văn hóa – lịch sử Đồng Nai năm 2013 do Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai tổ chức, em đã đến tham quan , tìm hiểu nhiều di tích ở Đồng Nai. Trong số những di tích ấy ,chùa Thiên Hậu/Miêu Tô sư nằm ở phường Bửu Long,Biên Hòa được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xếp hạng năm 2008 đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong em

## **PHẦN 1 :**

### **I.I Đôi nét về vùng đất Bửu Long**

#### **Vị trí địa lý**

Nằm cách trung tâm nội ô Tp Biên Hòa khoảng 3 km và cách cầu Đồng Nai khoảng 8 km về phía thượng nguồn.

Cụ thể:

Phía Đông giáp phường Tân Phong, Quang Vinh, Hòa Bình.

Phía Tây và Nam giáp sông Đồng Nai.

Phía Bắc giáp phường Tân Phong và huyện Vĩnh Cửu.

Tổng diện tích tự nhiên: 575,5767ha.

#### **Các ấp, khu phố**

Phường Bửu Long được chia làm 5 khu phố:

Khu phố 1: gồm 18 tổ an ninh nhân dân.

Khu phố 2: gồm 10 tổ an ninh nhân dân.

Khu phố 3: gồm 11 tổ an ninh nhân dân.

Khu phố 4: gồm 14 tổ an ninh nhân dân.

Khu phố 5: gồm 12 tổ an ninh nhân dân.

### **Địa hình**

Là một phường nông nghiệp có địa hình trung du. Có nhiều kênh, rạch ăn sâu vào đất liền, trong đó có 02 con rạch chính là : Rạch Lung và Rạch Gốc.

### **Khí hậu – Thủy văn**

Do phường nằm trong khu vực Miền Đông Nam Bộ, khí hậu ôn hòa, chia làm 02 mùa mưa nắng rõ rệt : Mùa mưa từ tháng 4 – 10, mùa nắng từ tháng 11 – 3 hàng năm.

### **Sơ lược lịch sử của phường**

Bản đồ Boilloux ghi hai làng Bình Điện và Bạch Khôi thuộc tổng Phước Vĩnh Trung. Theo Biên Hòa sử lược làng Bửu Long thành lập năm 1878 trên cơ sở sáp nhập hai ấp Bình Điện, Bạch Khôi. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, từ 1945-1948, Bửu Long thuộc Tổng Phước Vĩnh Trung quận Châu Thành. Từ 1948-1954, Bửu Long thuộc về huyện Vĩnh Cửu tỉnh Biên Hòa.

Trong kháng chiến chống Mỹ, gồm hai xã Tân Thành và Bửu Long. Năm 1976 gọi là xã Tân Thành. Đến năm 1994 chuyển thành phường Bửu Long theo quyết định số số 12 – HĐBT ngày 17 tháng 01 năm 1984 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Địa bàn Bửu Long nguyên là làng Bạch Khôi, Bình Điện thuộc tổng Phước Vinh, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long. Tư liệu Địa bạ Nam kỳ (năm 1836) cho biết, phường Bạch Khôi, thôn Bình Điện thuộc tổng Phước Vinh Thượng. Cuối thế kỷ XIX, hai làng Bạch Khôi, Bình Điện sáp nhập thành làng Bửu Long. Thời Pháp chiếm, tổng Phước Vinh Thượng đổi thành tổng Phước Vĩnh Thượng. Năm 1939, làng Bửu Long thuộc tổng Phước Vĩnh Trung, quận Châu Thành – sau là quận Đức Tu (1963), tỉnh Biên Hoà cho đến năm 1975.

Về phía chính quyền cách mạng, trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, từ năm 1945 đến năm 1948, Bửu Long thuộc tổng Phước Vĩnh Trung, quận Châu Thành. Từ năm 1948 đến năm 1954, Bửu Long thuộc về huyện Vĩnh Cửu tỉnh Biên Hòa. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, địa phận Bửu Long bây giờ gồm hai xã Tân Thành và xã Bửu Long. Năm 1976, gọi là xã Tân Thành. Năm 1984 gọi là xã Tân Bửu.

### **Sản phẩm và ngành nghề truyền thống**

Những người dân sinh sống trên địa bàn Bửu Long còn bảo tồn những nghề thủ công truyền thống: nghề khai thác đá Bửu Long và nghề làm gốm đất nung. Trong đó, làng đá Bửu Long khá nổi tiếng từ xưa đến nay do những người Hoa bang Hẹ đến đây sinh sống và phát triển nghề. Lễ hội chùa Bà Thiên Hậu – Miếu Tổ sư nghề đá là lễ hội với quy mô lớn, nhiều nghi thức độc đáo và thu hút đông đảo người tham dự.



Một cơ sở chế tác đá ở Bửu Long

### **Di tích văn hóa trên địa bàn của phường**

Trên địa bàn phường Bửu Long có nhiều di tích lịch sử văn hóa, cơ sở tín ngưỡng được xây dựng khá sớm. Một số cơ sở tín ngưỡng tiêu biểu như: chùa Bà Thiên Hậu - vốn là Miếu Tổ sư của những hộ làm nghề khai thác đá Bửu Long. Chùa Bửu Phong được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1990.



Trước đây, địa phận Bửu Long được chúa Nguyễn cho xây dựng Văn miếu Trấn Biên vào năm 1715 – văn miếu được xây dựng đầu tiên ở vùng đất Nam Bộ. Văn miếu Trấn Biên bị tàn phá trong thời kỳ Pháp xâm lược lần thứ nhất. Sau này, tỉnh Đồng Nai tôn tạo di tích khá quy mô, nối tiếp truyền thống văn hóa, hiếu học, trở thành một địa điểm văn hóa chung cho cả tỉnh Đồng Nai hiện nay.



Văn miếu Trấn Biên

## I.II Sơ lược về Miếu Tổ sư và Lễ vía Tổ sư

### ❖ Sơ lược về Miếu Tổ sư

Miếu Tổ Sư còn có tên gọi là Chùa Bà Thiên Hậu, xưa thuộc thôn Bình Thành, huyện Phước Long, dinh Trấn Biên, phủ Gia Định. Nay thuộc địa bàn tổ 30, khu phố 5, đường Huỳnh Văn Nghệ phường Bửu Long.Được UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng là di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 981/QĐ – UBND ngày 28/3/2008.

Miếu Tổ Sư do cộng đồng người Hoa, bang Hẹ xây dựng vào khoảng năm Khang Hy 16 (Canh Thìn 1680) để thờ tam vị tổ nghề: Ngũ Đăng (nghề đá), Lỗ Ban (nghề mộc), Uất Trì Cung (nghề rèn), Miếu còn phối thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh đế Quân, nguyên vật liệu chủ yếu là loại đá khai thác tại vùng Bửu Long.

Miếu Tổ Sư tọa lạc trong khuôn viên rộng 2800 mét vuông, thuộc khu di tích danh thắng Bửu Long, mặt tiền hướng ra sông Đồng Nai, lưng dựa vào núi Long Ân tạo thế “ ý sơn hương hải”. Miếu gồm ba tòa nhà riêng biệt liên kết với nhau theo bố cục mặt bằng tổng thể kiểu “nội công ngoại quốc” gồm: Tiền điện, Trung điện, Chánh điện, hai dãy nhà Tiền bồi, nhà khách và nhà bếp bao quanh. Hệ thống mái lợp ngói âm dương ống ngõa kiểu “trùng thềm, điệp ốc”. Đặc biệt, trên mái Tiền điện và Chánh điện trang trí các mảng tranh tượng gốc

Cây Mai và đá xanh Bửu Long thể hiện điển tích Trung Hoa xưa như: Lưỡng long triều dương, kỳ lân xuất thế, thiếu



Cổng Miếu Tổ sư ( Thiên Hậu Cổ Miếu)

nữ gieo cầu, diễn võ đài, vinh quy bái tổ, bát tiên quá hải, thiên đình hội triều, ông nhật, bà nguyệt, tiên đồng ngọc nữ, cá hóa long, phụng ngậm cuốn thư tượng trưng cho âm dương hòa hợp, hạnh phúc phồn vinh. Ngoài ra, miếu còn bảo lưu được rất nhiều hiện vật có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học như: tượng đá Tổ nghề Đá, Mộc, Rèn (1680); thuyền bát nhã bằng gỗ quý chạm nổi đề tài “Lục quốc phong tướng”, ngọn đèn thất tinh bằng đồng thời nhà Thanh; kiệu gỗ thời vua Đồng Trị (1862), chuông đồng thời vua Minh Mạng, hệ thống các hoành phi, liễn đối, bao lam trên 100 năm, các trang thờ bằng đá xanh Bửu Long được các nghệ nhân đá chạm khắc tinh xảo mang tính nghệ thuật cao. Ban đầu, ngôi miếu được xây dựng thấp. Năm 1894, khi trùng tu, người Hẹ đã coi nói thêm phần vách tường, đồng thời toàn bộ kiến trúc miếu



Chánh điện Miếu Tô su

cũng được mở rộng, nâng cao. và được tu bổ nâng cấp vào các năm 1904, 1924, 1941, 1967, 1970, 2001. Đặc biệt vào năm Canh Dần (2010), được sự hỗ trợ của cộng đồng người Hoa trong và ngoài nước, Ban Trị sự miếu đã tiến hành đại trùng tu phục hồi toàn bộ ngôi miếu tạo nên diện mạo kiến trúc khang trang và bề thế. Dấu tích mái tường cũ của miếu vẫn còn lưu lại khá rõ nét. Kiến trúc hiện tồn của miếu theo lối hình chữ công, xung quanh có tường bao tạo kiểu “nội công ngoại quốc”; mặt tiền hướng về phía sông Đồng Nai. Gian điện chính dùng vào việc thờ phụng, bên trái thờ các



vị tiền bối, hai bên phải dùng làm nhà khách và sinh hoạt. Đây là một kiến trúc tiêu biểu cho nghệ thuật điêu khắc, chạm trổ đá của người Hoa bang Hẹ ở Biên Hòa.

Đối tượng thờ chính tại miếu gồm: Ông Ngũ Đãng (ông tổ nghề đá), Ông Lỗ Ban (ông tổ nghề mộc), Ông Uất Trì Cung (ông tổ nghề rèn). Vì vậy, miếu có tên gọi ban đầu là Miếu Tổ sư. Trong chánh điện, Bà Thiên Hậu cùng phối thờ Thiên Long nhãn và Thuận Phong nhĩ; Đức Quan thánh cùng phối thờ có Quan Bình và Châu Xương; Phúc Đức chính thần. Ban đầu, những người Hẹ làm nghề đá chỉ dựng miếu thờ tổ của nghề là Ngũ Đĩnh, sau đó mới thờ các tổ nghề liên quan. Việc rước thờ bà Thiên Hậu trong miếu vào năm Đinh vị (1967) ở miếu Cây Quăn phía bờ sông Đồng Nai. Từ đây miếu có danh xưng: Thiên Hậu cổ miếu. Tên gọi này được tạc bằng chữ Hán trên cổng chính. “Bà Thiên Hậu được dùng với nhiều mỹ từ tôn kính là đối tượng giàu thần tích và linh ứng trong tín ngưỡng người Hoa. Truyền tụng, Bà Thiên Hậu có tên là Lâm Mặc, sinh ngày 23 tháng 3 (âm lịch) năm 960, tại huyện Bồ Điền, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc (đời nhà Tống). Khi Bà được sinh ra có đám mây ngũ sắc và hương thơm bao phủ khắp nhà. Từ khi còn nhỏ, Lâm Mặc đã có tài tiên đoán rất chính xác về thời tiết, giúp cho ngư dân trong



Tam vị Tổ sư



Bàn thờ Thiên Hậu

vùng tránh được nhiều tai ương của nghề đi biển. Sau khi mất, Bà rất hiển linh. Người dân đi biển truyền kể thường gặp Bà cứu những thuyền bè lâm nạn. Cộng đồng người Hoa đến Việt Nam bằng đường biển quan niệm chính bà Thiên Hậu đã độ trì, giúp họ vượt qua bao cơn giông bão, tai ương trên chuyến hành trình vượt biển tìm đất sống. Vì vậy, khi đến vùng đất mới sinh sống, cộng đồng người Hoa không quên lập miếu thờ bà.”

Ngoài nét nổi bật về kiến trúc nghệ thuật, Miếu Tổ Sư còn là nơi ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của quân và dân Biên Hòa trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Và nơi đây là một trong những đầu mối liên lạc thông tin, dự trữ, tiếp tế vũ khí cho chiến khu D và là địa điểm liên lạc, họp bàn của tổ tình báo thị xã Biên Hòa

Miếu Tổ Sư là một trung tâm văn hóa hiện tồn minh chứng cho lịch sử buổi đầu khai thiên lập địa ở cùng đất phương Nam của người Hoa bang Hẹ, đánh dấu bước phát triển quan trọng của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai trên lĩnh vực: Kinh tế, Văn hóa, Xã hội.

Kiến trúc Miếu Tổ sư nghệ đá – Thiên Hậu cổ miếu là một trong những di tích nghệ thuật tiêu biểu trên vùng đất Biên Hòa, gắn liền với lễ hội tín ngưỡng độc đáo của cộng đồng cư dân địa phương. Những giá trị di sản văn hóa của di tích rất cần được lưu tâm trong quy hoạch phát triển tuyến du lịch chung của danh thắng Bửu Long.



Toàn cảnh Miếu Tổ sư

Hàng năm Miếu Tổ Sư tổ chức các lễ hội theo tiết âm lịch như: Khai ấn tổ nghề (20/1), Vía Thiên Hậu Thánh Mẫu (23/3), Vía Tổ Sư (13/6), và Vía Quan Thánh Đế Quân (24/6). Trong đó lễ Vía Tổ Sư ( lễ hội Làm Chay) là lễ hội truyền thống lớn nhất, đáo lệ 3 năm/lần, diễn ra trong ba ngày liên tiếp 10,11,12,13 tháng 6 (âm lịch). Đây là lễ hội lớn, có tục đấu giá đèn, thu hút nhiều người tham dự trong và ngoài địa phương. Trong lễ hội diễn ra nhiều nghi thức cúng Tổ sư nghề đá, bà Thiên Hậu, cầu an. Không gian lễ hội không chỉ bó hẹp trong phạm vi di tích mà diễn ra rất sôi động trên địa bàn phường Bửu Long, đặc biệt tại các cơ sở tín ngưỡng liên quan như miếu Cây Quăn, miếu Tiên cô nương nương, bến nước sông trên địa bàn Bửu Long thu hút đông đảo cộng đồng người Hoa – Việt về dự.



Sân khấu hát bội ngày hội

#### ❖ Lễ vía Tổ sư

Đây là một trong những lễ hội có quy mô nhằm tưởng nhớ những vị Tổ Nghề làm đá của người Hoa ở Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai ở Miếu Tổ sư. Ba năm một lần, lễ hội được tổ chức lớn gọi là lễ hội Chay kéo dài từ ngày 10 đến 13 tháng 6 âm lịch thu hút rất đông đảo bà con người Hoa và người Việt từ khắp nơi về tham gia.

Vào đám làm chay, Ban tổ chức mời những vị đạo sĩ Đạo giáo ở thành phố Hồ Chí Minh về chủ trì với nhiều nghi thức gồm cả lễ và hội diễn ra suốt 3, 4 ngày đêm.

*\* Ngày 10 tháng 6 âm lịch: Khai lễ làm chay*

Đầu tiên khai lễ là thỉnh chư thần, là lễ rước linh vị Tam vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh mẫu và Quan Thánh Đế quân. Mục đích của việc làm chay là để cầu phước, cầu nghề nghiệp và giải hạn cho cộng đồng trong ba năm qua, mong ước một cuộc sống an bình, may mắn, người người khỏe mạnh, hạnh phúc, nhà nhà sung túc, nhóm hội đoàn kết, tương trợ. Người chết thì được ơn siêu thoát, không còn vương vấn quấy phá xóm làng. Cầu mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, công việc thuận lợi, phát tài phát lộc...

Đi đầu là các đoàn lân sư rồng vừa đi vừa múa lặn trong những người cầm cờ, trống dẫn đầu cuộc rước. Tiếp sau là dàn nhạc ngũ âm và bàn hương án và những người cầm bát bửu. Đoàn rước từ Thiên Hậu cổ miếu lần lượt thỉnh các bài vị Bà Thiên Hậu ở miếu Cây Quăn, bài vị Tiên Cô nương nương ở miếu Nương Tơ, bài vị Thổ công ở miếu Thổ thần và bài vị Thiên Hậu ở Thiên Hậu cung. Trên các con đường đoàn rước đi qua, các gia đình người Hoa sắp sẵn một mâm hoặc cỗ đồ cúng hình tháp gồm giấy vàng bạc, nhang, đèn dầu, bánh trái ở trước nhà để nghênh đón Tổ và các thần.

Khai quang điểm nhãn: Đạo sĩ chủ lễ tiến hành khai quang điểm nhãn tất cả các đồ thờ và các vị trí trong miếu như: bàn thờ tam vị Tổ, Thiên Hậu, Quan Công, Phúc Đức Chính thần, hương án Trương Thiên Sư, đèn lồng, cờ, trống, hình nhân Phán Quan, cây phượng (cây nêu) ngoài sân và Ông Tiêu. Sau khi điểm nhãn, các tượng hoặc hình nhân trước đó phong kín mặt bắt đầu được mở ra.

*\* Ngày 11 tháng 6 âm lịch: Khai kinh cầu an*



Nhận nhíp buổi cơm chay ngày hội

Rước các mâm cỗ cúng từ các gia đình về miếu để cúng cô hồn. Đúng 8 giờ, vị chủ tế bắt đầu khai kinh cầu an. Lễ vật cúng gồm có trái cây, ba chung trà, ba chung rượu, nhang và bông tươi. Sau ba tuần trà rượu, vái lạy, đốt giấy vàng bạc cho các thần. Lần lượt cúng trước điện thờ ở rạp chay, Phán Quan, Ông Tiêu ngoài sân và cây nêu, các bàn thờ chính trong miếu. Lễ Ngộ môn đáp tướng: các đạo sĩ làm lễ nhập đàn, vái lạy, vẩy rượu tẩy uế, tụng kinh múa đẹo bắt ấn trừ tà khí. Lễ Ngộ môn đáp tướng mang đậm sắc thái của Đạo giáo theo triết lý âm dương ngũ hành nhằm cầu an cho cộng đồng. Sau mỗi tuần trà rượu, một đạo sĩ lại



Múa hầu ngày hội

đứng lên cầm sớ tụng kinh múa cờ lệnh rồi cắm vào hương án. Lần lượt các cờ lệnh với đủ các màu xanh lục (tượng trưng cho hành Mộc phương Đông), màu đỏ tượng trưng cho hành Hỏa phương Nam, màu đen tượng trưng cho hành Thủy phương Bắc và cuối cùng đạo sĩ chủ trì cầm kiếm lệnh cờ màu vàng tượng trưng cho hành Thổ ở trung tâm.

*\* Ngày 12 tháng 6 âm lịch: Chánh lễ làm chay*

Khai Kim phong bảng: vị đạo trưởng xướng danh những người đóng góp tiền của tổ chức lễ hội. Phần hội thỉnh đèn lồng mà trước đây là tục đấu giá đèn lồng. Hàng trăm chiếc đèn lồng lớn nhỏ treo ở trần sân lễ được bà con thỉnh về

thờ. Thỉnh đèn cũng là nét đổi mới trong việc cách tân lễ hội truyền thống của người Hoa ở Đồng Nai. Buổi chiều lễ phóng thủy đăng cầu siêu cho âm hồn chết vì nước. Đoàn lễ tổ chức bàn hương án rước đi ra bến sông gần cơ sở tín ngưỡng để cầu siêu phóng sanh giải thoát cho âm hồn. Người ta bày một sân giấy vàng bạc trên đó đặt 28 chén đồ chay gồm 5 món bắt buộc: bún gạo, tàu hũ, củ cải muối, đậu que xào, đậu trắng. Ngoài ra còn thêm các món kiểng, bánh bao, thuốc rê, trái cây, trầu cau, cơm nguội, đèn hoa, ngựa giấy, chim cá phóng sanh... Sau lễ cúng của pháp sư (lúc này đạo sĩ mặc trang phục màu vàng như Địa Tạng Vương Bồ Tát), người ta thả 36 chiếc đèn hoa xuống sông, thả chim cá phóng sanh nhằm tích đức làm phúc giải oan cho cô hồn, mong thần thánh hóa giải những điều xấu, cầu phúc trong cộng đồng.

Vào buổi tối trên sân khấu ngoài trời, các đoàn nghệ thuật của người Hoa và người Việt biểu diễn những tuồng tích lịch sử cho bà con xem. Những vở diễn như: hoạt cảnh chúc thọ, Ngọc Kỳ Lân xuất thế, gia quan tán tước, Mộc Quế Anh dâng cây, Thất tinh mai... Biểu diễn ca kịch luôn là phần hội thu hút đông đảo quần chúng địa phương đến xem. Khoảng 9 giờ khuya bắt đầu nghi thức lập giàn chay và làm lễ bắc cầu thỉnh Mễ Đầu cầu phước. Người ta trải sẵn một tấm vải đỏ ngang 0,90m, dài khoảng 15m từ bàn hương án ngoài rạp chay tới bàn thờ Tổ trong chánh điện miếu. Hai người lớn tuổi trong Ban trị sự miếu thỉnh Mễ Đầu đi từ từ qua cầu vải vào trong chánh điện nơi bàn thờ Tổ. Mễ Đầu là một đầu gỗ đẽo đầy gạo, bên trên cắm long đình chóp kiêu tứ trụ cao khoảng 70m, có bài vị giấy, kiếm lệnh, một cây thước mộc treo chiếc gương nhỏ, một cây kéo, 5 tép chỉ ngũ sắc, một cành dương liễu, một chiếc đèn dầu nhỏ. Việc rước Mễ Đầu có ý nghĩa trăm họ cùng đón Tổ về ban phước cho cộng đồng.

*\* Ngày 13 tháng 6 âm lịch: Kết lễ xô giàn làm chay*

Hai giờ sáng, người ta sắp bàn hương án ngoài sân với hai đài cắm đèn cầy, một bình bông, ba chung trà, ba chung rượu, một đĩa gạo, một đĩa muối, một đĩa tàu hũ ki, ba tháp bàn tay Phật làm bằng rau cải, bánh bao chay và xôi nếp trắng. Đúng giờ, Pháp sư mặc áo Bách gia Đạo bào màu vàng, đầu đội mũ (giống trang phục đi phóng đăng phóng sanh) tụng kinh cầu siêu, bắt ấn, rung chuông, tung giấy tiền vàng bạc... Giữa sân lễ, người ta rải kín giấy tiền vàng

bạc với 3.600 bộ giấy áo, bên trên mặt đặt những chén đồ chay. Xô giàn, Pháp sư phóng hỏa Ông Tiêu (Tiêu diện đại sĩ), Phán quan và các hình nhân. Lúc này, người ta chen nhau giành giật cho được lưỡi Ông Tiêu trước khi bị phóng hỏa. Ba tháp đồ chay được quăng ra ngoài thí thực cho cô hồn. Người ta hạ cây nêu, đem 52 chiếc đèn lồng ra đốt trong sự giành giật của đám đông, kết thúc nghi thức xô giàn. Buổi sáng người ta bày một số lễ vật như: một con dê được làm thịt để sống, một con heo sống làm thịt, một con heo quay đỏ, gà luộc, trái cây, nhang đèn... trên các bàn thờ trong miếu. Vị đạo trưởng làm lễ an vị các chư vị đưa trở về các miếu kết thúc lễ làm chay.

## **PHẦN II**

### **Cảm nghĩ về giá trị văn hóa, lịch sử của di tích Miếu Tổ sư**

Có thể nói, miếu Tổ sư là một dấu ấn xác định sự hình thành của cộng đồng xã tộc người Hoa trên vùng đất mới khi chưa có sự quản lý của nhà nước. Những người di dân tự do đến vùng đất mới gắn kết nhau trong làng xã qua hình thức cộng đồng chung trong tín ngưỡng thờ phượng mà ngôi Miếu là nơi tiêu biểu nhất. Trải qua nhiều thời kỳ, qua bao lần thay đổi về địa lý hành chính hay tác động của xã hội nhưng ngôi Miếu vẫn tồn tại. Nó minh chứng cho sức sống mãnh liệt không chỉ về mặt tâm linh mà còn sự gắn kết “đời sống vật chất” của con người. Vì vậy có thể nói, những giá trị di sản vật thể, phi vật thể ẩn chứa trong những di tích này đều rất sinh động.

Tục truyền Miếu Tổ sư rất linh, và giúp đỡ cho ai đi biển được bình yên, sóng yên gió lặng, và nếu bị bão họ vượt qua được sóng gió an toàn. Người Hoa ở Việt Nam là những người đến đây tị nạn chánh trị, trốn tránh chế độ mới trên đất nước họ, làm lại cuộc đời. Họ tin bà Thiên Hậu và các Tổ sư (Tổ nghề) sẽ giúp họ vượt qua khó khăn lúc đi biển, và giúp họ an cư lạc nghiệp trên vùng đất mới.

Miếu Tô sư có nhiều giá trị về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc và hiện vật cổ. Ngoài ra chùa còn đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, và là nơi qui tụ và tương trợ lẫn nhau của bà con người Việt gốc Hoa

Có thể nói,qua những chuyến tham quan và tìm hiểu các di tích,Miếu Tô sư đã để lại cho em nhiều cảm xúc nhất.Qua tìm hiểu lịch sử hình thành Miếu tô sư,em còn có thêm kiến thức về lịch sử hình thành vùng đất Bửu Long nói riêng và Biên Hòa\_Đồng Nai nói chung.

### **PHẦN III :**

#### **Kiến nghị ,góp ý về việc giữ gìn và phát huy giá trị lịch sử của di tích Miếu Tô sư**

##### **❖ Kiến nghị ,góp ý về việc giữ gìn di tích Miếu Tô sư**

Di tích Miếu tô sư có những giá trị cao về lịch sử, văn hóa và nghệ thuật. Từ khi hình thành cho đến nay, trải qua nhiều lần trùng tu ,Miếu Tô sư đã có một diện mạo khang trang nhưng vẫn giữ được những nét cổ kính. Kể từ khi được xếp hạng, tỉnh thể hiện nhiều sự quan tâm trong công tác bảo tồn giá trị di sản. Thực tế cho thấy,Miếu Tô sư được bảo tồn khá tốt do là một thiết chế tôn giáo,lễ hội luôn được duy trì hoạt động, được bảo quản tốt với sự chăm sóc , ý thức trách nhiệm của những người được giao quản lý.

Nhằm duy trì và hướng đến mục tiêu bảo tồn hiệu quả di tích Miếu Tô sư, cần có các giải pháp được một cách đồng bộ, vừa đảm bảo tính khoa học và đảm bảo tính thống nhất, tuân thủ theo quy định của Luật Di sản văn hóa.



Thành lập ban quản lý di tích, tuyên truyền, phổ biến, giúp nhân dân và du khách hiểu biết được những giá trị chung của di tích. Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”

#### ✚ Nhân lực quản lý và bảo vệ di tích :

Nhân lực quản lý và bảo vệ di tích ,từ cấp cơ sở cần chú trọng yếu tố nhân lực của địa phương, gắn liền với cộng đồng liên quan mật thiết với di tích mà trong đó là những vị sư và cộng sự trong tiếp quản, chăm sóc,hoạt động tại di tích. Công tác quản lý cơ sở tốt sẽ là nền tảng cho việc cho công tác nắm thông tin, tình hình của di tích trong mọi điều kiện một cách chặt chẽ, từ đó có biện pháp, đề xuất hoặc can thiệp kịp thời trước những tác động, yếu tố thách thức hay nguy cơ ảnh hưởng đến di tích.

#### ✚ Tuyên truyền bảo vệ di tích

Tuyên truyền bảo vệ di tích là một việc làm cần thiết và được duy trì thường xuyên bởi các cấp quản lý từ cơ sở đến cấp cao hơn. Trong đó, việc tuyên truyền sẽ hiệu quả hơn khi phối hợp với cơ quan truyền thông đại chúng đến các tầng lớp nhân dân. Nội dung tuyên truyền của di tích được cơ quan chuyên môn về khảo cổ,về bảo vệ trùng tu di tích biên soạn một cách khoa học và gắn liền với các sự kiện,vật thể liên quan đến di tích. Từ công tác tuyên truyền bảo, cộng đồng địa phương nhận thức và có ý thức gìn giữ vốn di sản văn hóa.

#### ✚ Công tác bảo tồn,tu bổ, tôn tạo di tích :

Do nhiều yếu tố tác động, với môi trường tự nhiên vốn khắc nghiệt,những di vật, hiện vật trải qua thời gian tồn tại, nhiều thành tố, di vật sẽ dễ bị hư hỏng.Vì vậy,nhân sự quản lý và bảo vệ di tích cần có chính sách kiểm tra định kỳ, kịp thời phát hiện những yếu tố làm ảnh hưởng đến độ bền vững của kiến trúc di tích Công tác kiểm kê tuân thủ theo quy định, lập hồ sơ khoa học các hiện vật trong di tích, liên quan di tích với nội dung đầy đủ, thống kê về số lượng, đánh giá về tình trạng và được lưu hồ sơ khoa học. Trên cơ sở này, cơ quan chuyên môn sẽ đánh giá cụ thể tình hình

kiểm kê và đề xuất những biện pháp để bảo quản di vật, di tích một cách hữu hiệu, can thiệp kịp thời và định hướng trong công tác bảo quản, phục chế.

Tu bổ di tích không chỉ đơn giản là khôi phục lại như mới một công trình kiến trúc cổ truyền, mà là sự tổng hợp của nhiều mặt hoạt động phức tạp có quan hệ qua lại rất chặt chẽ như: Nghiên cứu, sáng tạo nghệ thuật và quá trình thi công, sản xuất v.v... Công tác tu bổ di tích phải đáp ứng được các nhu cầu: Giải phóng, tước bỏ khỏi di tích tất cả các lớp bổ sung xa lạ, gây ảnh hưởng xấu tới các mặt giá trị của di tích; giữ lại tối đa những yếu tố nguyên gốc của di tích; trên cơ sở khoa học đáng tin cậy khôi phục lại một cách chính xác những yếu tố đã bị thiếu hụt, mất mát trong quá trình tồn tại của di tích; trả lại cho di tích hình dáng vốn có của nó; làm cho di tích có độ bền vững về mặt kết cấu để tồn tại lâu dài trước tác động của điều kiện khí hậu và thời tiết khắc nghiệt, cũng như thử thách của thời gian.

Phải thấy rõ sự khác biệt giữa xây dựng mới và sửa chữa công trình với công tác tu bổ và bảo quản di tích

Mục tiêu bao trùm là phải xác định chính xác giá trị của di tích về các mặt lịch sử, văn hoá, khoa học... tìm biện pháp bảo tồn nguyên trạng di tích để phát huy giá trị, phục vụ những nhu cầu do xã hội đặt ra. Muốn thực hiện được mục tiêu đó, kiến trúc sư hiện nay khi can thiệp vào một công trình sẵn có thì cần phải hiểu những ý tưởng sáng tạo của kiến trúc sư đã thiết kế ra công trình đó, cũng như các sự kiện lịch sử và văn hoá đã diễn ra tại di tích. Tính chất đặc thù đó buộc kiến trúc sư tu bổ phải tôn trọng ý tưởng kiến trúc, yếu tố nguyên gốc và giá trị văn hoá hàm chứa trong vỏ kiến trúc của công trình. Thứ nữa, công tác tu bổ còn đặt ra yêu cầu phải tước bỏ khỏi di tích phần bổ sung không chính đáng sau này làm ảnh hưởng sai lệch các mặt giá trị của di tích, nhằm tạo điều kiện cho khách tham quan tiếp cận và hưởng thụ các mặt giá trị chân chính của văn hoá.

Trong xây dựng mới người ta chỉ tập trung mọi nỗ lực để vận dụng các thành tựu về kỹ thuật và vật liệu nhằm sáng tạo ra một công trình vừa đẹp, vừa bền vững và tiện ích nhất cho người sử dụng. Tức là thoả mãn các công năng kiến trúc,

do đó khả năng sáng tạo và sử dụng vật liệu, kết cấu không gian không hạn chế đối với kiến trúc sư thiết kế. Hình dáng kiến trúc của công trình phụ thuộc hoàn toàn vào ý tưởng sáng tạo của kiến trúc sư.

Sửa chữa một công trình xây dựng hay một vật dụng chỉ đơn thuần là thấy chỗ nào hư hỏng thì sửa lại, gia cố, thay thế hoặc làm lại để phục vụ chủ yếu cho những công năng cụ thể. Ngược lại bảo quản là sử dụng các biện pháp kỹ thuật giữ cho di tích ở nguyên trạng thái hiện có của nó mà không bị tiếp tục hư hỏng, bị thay đổi, biến dạng, không bị thêm bớt các bộ phận cấu thành. Còn tu bổ di tích bao hàm cả hai khái niệm sửa chữa và bảo quản nhưng đòi hỏi phải có sự chuẩn bị khoa học thật nghiêm túc.

Công tác tu bổ di tích chỉ đạt được hiệu quả cao khi các kiến trúc sư thiết kế và thi công tu bổ di tích tuân thủ các nguyên tắc khoa học

Thứ nhất: Có thái độ trân trọng đối với các yếu tố nguyên gốc và các bộ phận của di tích được bổ sung sau này nhưng có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học và thẩm mỹ.

Thứ hai: Trước khi tiến hành tu bổ cần phải triển khai việc nghiên cứu liên ngành để có sự hiểu biết cặn kẽ di tích về các mặt: Giá trị, tình trạng bảo quản. Cũng như các hoàn cảnh lịch sử và đặc thù văn hoá ở địa phương nơi có di tích dự kiến được tu bổ.

Thứ ba: Các giải pháp tu bổ cần được trao đổi rộng rãi, lấy ý kiến của các nhà nghiên cứu ở các ngành khoa học có liên quan để có thể lựa chọn được giải pháp tối ưu nhất.

Thứ tư: Chỉ tiến hành tu bổ, phục hồi di tích khi có cơ sở cứ liệu khoa học chính xác (tài liệu viết, bản vẽ đặc hoạ, ảnh chụp, bản dập v.v...) phần mới phục hồi phải phù hợp và tạo thành một khối thống nhất với phần nguyên gốc còn lại. Do đó trong thực tế chúng ta phải luôn cố gắng đến mức tối đa sử dụng vật liệu và công nghệ truyền thống vào việc tu

bổ, phục hồi di tích. Đặc biệt là phần mới bổ sung trong quá trình tu bổ phải có “dấu hiệu” để phân biệt với bộ phận nguyên gốc của di tích.

Thứ năm: Theo đuổi mục tiêu cơ bản nhất là gia cố tăng cường độ bền vững của di tích, đảm bảo các điều kiện cần thiết để di tích có thể tồn tại lâu dài ở dạng nguyên gốc: Từ hình dáng, cơ cấu kiến trúc, màu sắc, đường nét trang trí mỹ thuật đến vật liệu xây dựng v.v...

Thứ sáu: Quá trình tu bổ di tích phải được triển khai dưới sự giám sát thường xuyên và nghiêm ngặt của tư vấn giám sát và cộng đồng cư dân nơi có di tích. Việc trùng tu, tôn tạo tuân thủ theo luật định, chú ý đến việc bảo tồn nguyên trạng hay phục chế như kiến trúc gốc. Trong trường hợp thay thế những bộ phận, thành tố nào cần quan tâm và ưu tiên cho việc đảm bảo cùng chất liệu, kỹ thuật để tránh việc làm mới hoàn toàn hay lạm dụng kỹ thuật công nghệ, tạo nên sự chênh lệch trong hiện vật hay thành tố của các bộ phận kiến trúc. Việc tôn tạo cảnh quan chùa Bửu Phong cũng cần lưu tâm đến không gian chung, không được phá dỡ và xây những công trình che lấp và phá vỡ cảnh quan di tích.

Cần nghiên cứu, sưu tầm những giá trị di sản phi vật thể liên quan đến di tích để bổ sung cho nguồn tư liệu cho di tích

#### ❖ Các giải pháp phát huy di tích

Mặc dù được bảo tồn rất tốt nhưng thực tế việc khai thác giá trị di tích phục vụ du lịch, phát triển kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều hạn chế. Kinh nghiệm từ thực tiễn của nhiều địa phương trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá cho thấy, việc khai thác và phát huy giá trị di tích thường đi đôi với việc phát triển du lịch và cần được sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế và cộng đồng xã hội. Muốn thực hiện tốt việc này, ta cần chú trọng những yếu tố sau đây :

#### ✚ Xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực:

Từ những người làm công tác quản lý ,trông nom trực tiếp tại di tích đến đội ngũ những người làm công tác thuyết minh, hướng dẫn trong khu danh thắng hoặc liên quan mật thiết về quản lý, tổ chức hoạt động văn hóa liên quan di

tích, khu danh thắng... cần bồi dưỡng, tập huấn ưu tiên đến lĩnh vực quản lý, bảo tồn và phát huy loại hình di tích, nắm bắt rõ chủ trương, chính sách về văn hóa, thông hiểu Luật Di sản văn hóa.

Di tích cần được tuyên truyền, quảng bá rộng rãi. Nội dung tuyên truyền, quảng bá đến di tích (như tờ gấp, hay tập sách nhỏ, trang Web...) cần được biên soạn một cách khái quát và đa dạng hóa bằng các loại hình và các phương tiện truyền thông. Trên cơ sở những dữ liệu được tuyên truyền, mọi người, từ các đối tượng khác nhau có thể thuận lợi tiếp cận, lĩnh hội, nắm bắt những thông tin về di tích một cách cụ thể. Những sản phẩm này sẽ thông qua khách tham quan sẽ được tiếp tục quảng bá một cách thuận lợi đến những nơi khác, đối tượng khác.

#### Tổ chức tham quan du lịch

Việc tổ chức hoạt động tham quan du lịch cần được tổ chức bài bản, chủ động quảng bá, thu hút khách từ xa. Hiện tại, các đoàn tham quan được tổ chức tự phát, mang tính nội bộ của cơ quan gửi khách tới mà chưa có thông tin giới thiệu cũng như sự kết nối, đón tiếp và phục vụ của Ban quản lý di tích. Ban quản lý di tích cần nghiên cứu đánh giá nhu cầu của các nhóm đối tượng khách để xây dựng nội dung thông tin quảng bá tới từng nhóm đối tượng khách, đặc biệt là đối tượng thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên, cựu chiến binh, đối tượng khách công đoàn, khách lễ hội và khách du lịch về nguồn. Những thông tin, hình ảnh, sách giới thiệu, thông tin hướng dẫn tham quan... phải được phổ biến rộng rãi thông qua các kênh thông tin đại chúng.

Tổ chức dịch vụ phục vụ tham quan phải được kết nối giữa Ban quản lý di tích với các công ty lữ hành, các cơ quan đơn vị gửi khách tới, hệ thống hạ tầng giao thông, thông tin và hệ thống dịch vụ đi kèm: Nếu coi Khu di tích trở thành một trường học về giáo dục lịch sử thì “trường học” đó phải có nơi truyền tải và tiếp nhận thông tin về giá trị của di tích tới “người học” là khách tham quan; có nơi ăn, nghỉ, nơi giao lưu gắn với cộng đồng địa phương. Đồng thời, việc bố trí nơi trưng bày, diễn giải, truyền tải, nơi ăn, nghỉ, dịch vụ phải hài hòa, không làm phá vỡ không gian di tích.

Những công trình dịch vụ phải tách biệt với di tích nhưng đảm bảo sự tiếp cận thuận tiện. Những biển báo, chỉ dẫn tham quan và gìn giữ di tích phải được bố trí sao cho khách tham quan dễ tiếp thu và thực hiện.

Việc xây dựng các công trình dịch vụ phải tuân thủ đúng quy hoạch; hoạt động dịch vụ phải tuân thủ quy định của Khu di tích. Như vậy Khu di tích cần có các khu chức năng như: khu đón tiếp; khu trưng bày, giới thiệu sơ đồ mạng lưới địa điểm, hiện vật di tích; khu dịch vụ ăn, nghỉ, giải trí và các hoạt động giao lưu kết nối với cộng đồng địa phương

#### ❖ Lời kết

Bảo tồn và phát huy di tích trong thời kỳ hiện nay là một vấn đề không hề đơn giản. Thậm chí, trong tình hình hội nhập phát triển, đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa và xu thế đô thị hóa mạnh mẽ hiện nay, những giá trị văn hóa truyền thống, trong đó có loại hình di tích đã, đang và sẽ đứng trước những thách thức, nguy cơ tác động, ảnh hưởng đến sự tồn tại. Để bảo tồn và phát huy di tích Miếu tổ sư một cách hiệu quả nhất, đòi hỏi ý thức, trách nhiệm và sự nỗ lực lớn của các cấp chính quyền, các cơ quan hữu trách và ý thức của mỗi người, đặc biệt với thế hệ trẻ hôm nay.

## PHẦN IV :

### **Hình ảnh 1 số di tích khác mà tác giả đã tham quan thực tế**



**Tác giả tại di tích Thành Biên Hòa**



**Tác giả tại di tích Bửu Hưng Tự  
(Phường Quang Vinh\_Biên Hòa\_Đồng Nai)**



**Tác giả tại di tích Đình Bình Quan  
(Xã Hiệp Hòa\_Tp Biên Hòa\_Đồng Nai)**



**Tác giả tại di tích Tòa Đô Biên Hòa  
(Nay là Trụ sở Khố Nhà Nước\_Tỉnh Đồng Nai)**





**Tác giả tại di tích Đình Long Chiến Xã Bình Lợi\_Huyện Vĩnh Cửu\_Đồng Nai**



**Tác giả tại di tích Đình Phú Trạch Xã Thạnh Phú\_Huyện Vĩnh Cửu\_Đồng Nai**



